

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU
THỦY SẢN MIỀN TRUNG**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

MỤC LỤC

Trang

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	8
Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	9 – 47

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2023.

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Hội đồng quản trị

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Lê Vĩnh Hòa	Chủ tịch
Ông Trần Hữu Hoàng	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hoàng Lan	Thành viên
Ông Phạm Trường Giang	Thành viên
Bà Đỗ Thị Bích Vân	Thành viên

Ban kiểm soát

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Phạm Thị Thúy Hằng	Trưởng ban
Ông Vũ Văn Đông	Thành viên
Ông Lưu Mạnh Cường	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Trần Như Thiên My	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty là bà Trần Như Thiên My - Tổng Giám đốc.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán giữa niên độ được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính giữa niên độ được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM (Trụ sở chính: Số 142 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam; Điện thoại: (84) 0236.363.3333; Fax: (84) 0236.363.3338; Website: www.ecovis.com/vietnam/audit)

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, ngoại trừ vấn đề được nêu trong Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ kèm theo, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Trần Như Thiên My
Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 08 năm 2023

Số: 330/2023/BCSX-E.AFA

BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 10 tháng 08 năm 2023, từ trang 05 đến trang 47, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Như trình bày tại Thuyết minh số 4.2, Kiểm toán viên không thu thập được Báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các thông tin báo cáo tài chính của khoản đầu tư vào Công ty liên kết là Công ty CP Đầu tư New City Seadanang, các thủ tục thay thế cũng không thực hiện được. Tổng giá gốc của khoản đầu tư liên kết nêu trên tại ngày 30/06/2023 là 18.365.570.000 VND. Với hạn chế này chúng tôi không thể xem xét việc dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn theo quy định. Do hạn chế phạm vi soát xét, chúng tôi không thể đưa ra kết luận về ảnh hưởng của khoản đầu tư nêu trên đến các khoản mục khác trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được mô tả tại đoạn "Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ", chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Phạm Quang Trung
Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 1334-2023-240-1

Công ty TNHH Kiểm toán – Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM
Đà Nẵng, ngày 10 tháng 08 năm 2023

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu B 01a - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30/06/2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2023	Tại ngày 01/01/2023
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		327.235.780.158	371.573.129.879
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	54.176.971.411	22.974.393.717
1. Tiền	111		43.916.807.842	12.974.393.717
2. Các khoản tương đương tiền	112		10.260.163.569	10.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		46.648.449.773	83.841.875.487
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	138.815.177.351	163.326.590.162
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	2.652.066.500	831.116.482
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	1.917.227.427	16.420.190.348
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.6	(96.736.021.505)	(96.736.021.505)
IV. Hàng tồn kho	140		218.201.876.402	258.853.858.783
1. Hàng tồn kho	141	4.7	218.201.876.402	258.853.858.783
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		8.208.482.572	5.903.001.892
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.11	3.631.394.127	3.282.696.638
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.271.502.898	2.610.415.705
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.14	305.585.547	9.889.549
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		94.509.629.631	98.391.495.120
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		73.624.052.191	77.061.255.187
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.9	70.668.702.155	74.084.821.817
Nguyên giá	222		262.148.473.766	260.423.152.966
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(191.479.771.611)	(186.338.331.149)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.10	2.955.350.036	2.976.433.370
Nguyên giá	228		5.315.374.111	5.315.374.111
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.360.024.075)	(2.338.940.741)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		398.400.000	323.400.000
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.8	398.400.000	323.400.000
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	4.2	20.487.177.440	20.987.177.440
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		18.365.570.000	18.365.570.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		2.121.607.440	2.121.607.440
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	500.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		-	19.662.493
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.11	-	19.662.493
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		421.745.409.789	469.964.624.999

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu B 01a - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Tại ngày 30/06/2023

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2023	Tại ngày 01/01/2023
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		298.191.497.065	346.845.783.394
I. Nợ ngắn hạn	310		286.778.092.610	332.449.869.897
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.12	16.797.933.704	21.088.055.119
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.13	1.507.812.950	32.146.753
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.14	15.052.906	439.429.073
4. Phải trả người lao động	314		5.291.759.504	11.999.691.482
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.15	2.839.063.343	3.111.770.410
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	4.16	405.128.089	100.000.000
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.17	29.443.202.477	79.040.974.728
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.18	229.841.019.011	215.933.881.706
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		637.120.626	703.920.626
II. Nợ dài hạn	330		11.413.404.455	14.395.913.497
1. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.18	11.413.404.455	14.395.913.497
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		123.553.912.724	123.118.841.605
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.19	123.553.912.724	123.118.841.605
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		120.000.000.000	120.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		120.000.000.000	120.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(101.650.000)	(101.650.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		11.388.233.760	11.388.233.760
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(7.732.671.036)	(8.167.742.155)
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		(8.167.742.155)	(15.677.566.969)
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		435.071.119	7.509.824.814
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		421.745.409.789	469.964.624.999



Trần Như Thiên My,
Tổng Giám đốc
Đà Nẵng, ngày 10 tháng 08 năm 2023

Lê Thanh Phương
Kế toán trưởng

Trần Thị Thanh Thủy
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu B 02a – DN(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30/06/2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	336.145.706.790	477.854.996.083
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.2	207.758.732	58.661.993
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		335.937.948.058	477.796.334.090
4. Giá vốn hàng bán	11	5.3	304.685.992.638	433.069.480.252
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		31.251.955.420	44.726.853.838
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.4	5.957.472.064	2.435.738.674
7. Chi phí tài chính	22	5.5	10.260.857.467	7.144.738.606
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		8.232.618.571	7.056.582.146
9. Chi phí bán hàng	25	5.6	7.489.791.008	13.440.678.435
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.7	19.642.901.203	20.896.400.442
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(184.122.194)	5.680.775.029
12. Thu nhập khác	31	5.8	640.250.872	101.317.097
13. Chi phí khác	32	5.9	21.057.559	75.760.938
14. Lợi nhuận khác	40		619.193.313	25.556.159
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		435.071.119	5.706.331.188
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		435.071.119	5.706.331.188
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.19.5	36	476
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.19.6	36	476

**Trần Như Thiên My**
Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 08 năm 2023

Lê Thanh Phương
Kế toán trưởng**Trần Thị Thanh Thùy**
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu B 03a - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp trực tiếp)**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30/06/2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		364.187.641.360	455.839.818.386
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(239.313.788.978)	(354.667.457.226)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(52.715.793.449)	(51.753.916.009)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(8.344.936.889)	(6.797.568.245)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		-	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		19.273.189.849	29.651.521.359
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(62.244.123.605)	(97.147.325.238)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		20.842.188.288	(24.874.926.973)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.994.669.000)	(2.420.770.280)
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		500.000.000	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		293.702.395	33.821.950
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.200.966.605)	(2.386.948.330)
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	299.670.234.385	250.498.455.811
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(288.745.606.122)	(230.022.940.993)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(997.500)	(6.317.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		10.923.630.763	20.469.197.318
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50		30.564.852.446	(6.792.677.985)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		22.974.393.717	78.204.954.101
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61		637.725.248	889.903.852
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70		54.176.971.411	72.302.179.968



Trần Như Thiên My
Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 08 năm 2023

Lê Thanh Phương
Kế toán trưởng

Trần Thị Thanh Thủy
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung theo Quyết định số 774/QĐ - BTS ngày 28/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Thủy sản. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0400100778 ngày 14/12/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 19 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 12/11/2020.

Ngày 16/03/2010, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội chấp thuận giao dịch cổ phiếu của Công ty trên sàn Upcom với mã SPD. Ngày 22/04/2010, Công ty có phiên giao dịch đầu tiên trên sàn Upcom.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 120.000.000.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 là: 997 (31 tháng 12 năm 2022 là: 1024).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại, sản xuất và chế biến thủy hải sản.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Chế biến, bảo quản thủy hải sản và các sản phẩm từ thủy sản: Chế biến thủy, hải sản xuất khẩu;
- Bán buôn tổng hợp;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa: Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh. Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho khác;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu: Đầu tư tài chính;
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Kinh doanh bất động sản; Cho thuê kho; Cho thuê nhà và văn phòng;
- Kinh doanh các mặt hàng, lĩnh vực khác pháp luật cho phép...

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, Công ty có 01 công ty liên kết và các đơn vị trực thuộc như sau:

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Công ty liên doanh, liên kết:				
Công ty CP Đầu tư New City Seadanang	31 Ngũ Hành Sơn, P. Mỹ An, Q. Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng	23,44%	23,44%	23,44%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các đơn vị trực thuộc tính đến 30 tháng 06 năm 2023 gồm:

Tên	Địa chỉ
Công ty Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Thọ Quang	Khu công nghiệp Đà Nẵng - Phường Thọ Quang, Sơn Trà, Đà Nẵng
Công ty Phát triển Nguồn lợi Thủy sản	Lô 7A - Khu công nghiệp Điện Nam Điện Ngọc - Quảng Nam

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

2.1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND) theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2023.

2.4. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế tại ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

3.2. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 cũng như các khoản doanh thu, chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

3.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3.4. Đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên kết khi Công ty nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thỏa thuận khác.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

Đầu tư khác

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

3.5. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn với mức trích lập phù hợp với các quy định hiện hành. Việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định là khó đòi phải trích lập dự phòng được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.6. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại ngày lập báo cáo tài chính, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

3.7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

	<u>Năm 2023</u>	
▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25	năm
▪ Máy móc thiết bị	03 – 12	năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 – 07	năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 06	năm

3.8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế gồm:

- Giá trị quyền sử dụng đất diện tích đất tại phường 6, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam, diện tích 3078 m².
- Giá trị quyền sử dụng đất 261-263 Phan Châu Trinh, phường Phước Ninh, quận Hải Châu, Đà Nẵng, Việt Nam, diện tích 301,2 m².
- Giá trị quyền sử dụng đất tại 166 Nguyễn Công Trứ, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam, diện tích 90,45m².

Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.

3.9. Cho thuê tài sản

Cho thuê hoạt động

Tài sản cho thuê hoạt động được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán theo cách phân loại tài sản của Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí trong kỳ khi phát sinh/phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê theo thời hạn của hợp đồng thuê. Doanh thu cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán.

Khấu hao tài sản cho thuê hoạt động được thực hiện trên cơ sở nhất quán với chính sách khấu hao của bên cho thuê áp dụng đối với những tài sản tương tự.

3.10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc trích khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

3.11. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ; chi phí sửa chữa, bảo dưỡng... Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Tiền thuê đất, thuê cơ sở hạ tầng được phân bổ theo thời hạn thuê;
- Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần từ 01 năm đến 03 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

3.12. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.13. Chi phí đi vay

Nguyên tắc vốn hóa chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

3.14. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

3.15. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm doanh thu nhận trước như số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Hàng kỳ tính, xác định và kết chuyển doanh thu chưa thực hiện vào doanh thu trong kỳ phù hợp với thời gian thuê tài sản.

3.16. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo qui định trong Điều lệ Công ty.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và theo các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.17. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

3.18. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau và sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh khoản giảm trừ.

3.19. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

3.20. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn.

3.21. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển....

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

3.22. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và các mức thuế suất tính thuế TNDN như sau:

- Áp dụng mức thuế suất 15% đối với thu nhập từ chế biến trong lĩnh vực thủy sản;
- Áp dụng mức thuế suất 20% đối với các thu nhập khác.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Áp dụng mức thuế suất 0% đối với hoạt động xuất khẩu;
- Áp dụng mức thuế suất 5% đối với hoạt động bán hải sản trong nước;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

- Áp dụng mức thuế suất 10% đối với hoạt động mua bán vật tư và cho thuê kho;
- Các hoạt động khác áp dụng mức thuế suất theo quy định.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

3.23. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.24. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.25. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

3.26. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 30/06/2023		Tại ngày 01/01/2023	
	Ngoại tệ	VND	Ngoại tệ	VND
Tiền mặt tại quỹ		1.494.553.998		172.634.625
VND		1.494.553.998		172.634.625
Tiền gửi ngân hàng		42.422.253.844		12.801.759.092
+ VND		1.787.539.866		2.168.639.292
+ USD	1.736.028,25 #	40.634.713.978	453.681,20 #	10.633.119.800
Các khoản tương đương tiền (*)		10.260.163.569		10.000.000.000
Cộng		54.176.971.411		22.974.393.717

(*) Các khoản tương đương tiền là khoản tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng.

4.2. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2023		Tại ngày 01/01/2023	
	VND		VND	
Dài hạn:	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Trái phiếu ICB	-	-	500.000.000	500.000.000
Cộng	-	-	500.000.000	500.000.000

Tại ngày 30/06/2023, Công ty đã nhận đáo hạn 50 trái phiếu mệnh giá 10.000.000 VND của ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Ngũ Hành Sơn, kỳ hạn 10 năm, lãi suất bằng lãi suất tham chiếu + 0,8%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2023		Tại ngày 01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết:				
Công ty CP Đầu tư New City Seadanang (*)	18.365.570.000	-	18.365.570.000	-
Cộng	18.365.570.000	-	18.365.570.000	-
Đầu tư vào đơn vị khác				
Công ty CP Long Hậu (**)	2.121.607.440	-	3.668.406.000	2.121.607.440
Cộng	2.121.607.440	-	3.668.406.000	2.121.607.440

(*) Tại thời điểm lập báo cáo, Công ty chưa nhận được báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cũng như các thông tin báo cáo tài chính của khoản đầu tư vào Công ty liên kết là Công ty CP Đầu tư New City Seadanang để đánh giá việc trích lập dự phòng giảm giá cho khoản đầu tư tài chính dài hạn theo quy định của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

Ngày 28/12/2020, Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung gửi đến Công ty CP Đầu tư New City Seadanang thông báo số 281220/TB-TGD về việc hủy bỏ Hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/2016/HĐ.NC-SPD ngày 07/06/2016 kể từ ngày 05/01/2021.

Ngày 08/01/2021, Công ty đã nộp đơn phân tố đề nghị Tòa án giải quyết các yếu cầu phân tố, ngày 18/02/2021 đã bổ sung đơn phân tố, nội dung phân tố bao gồm:

- Công nhận việc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung hủy bỏ Hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/2016/HĐ.NC-SPD ngày 07/09/2016 vì lý do Công ty CP Đầu tư New City Seadanang đã vi phạm nghiêm trọng Hợp đồng hợp tác theo quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 2 điều 423 Bộ Luật dân sự 2015;
- Giải quyết hậu quả của việc hủy bỏ hợp đồng hợp tác căn cứ theo quy định tại Điều 427 Bộ Luật dân sự 2015, cụ thể là: Khi hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/2016/HĐ.NC-SPD bị hủy bỏ thì hợp đồng không có hiệu lực từ thời điểm giao kết nên Công ty CP Đầu tư New City Seadanang phải hoàn trả, bàn giao các tài sản góp vốn của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung đã bàn giao theo hợp đồng hợp tác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Đến nay, Tòa án chưa tiến hành các bước tiếp theo.

Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam. Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(**) Công ty đã xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty CP Long Hậu trên cơ sở giá niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán tại ngày 30/06/2023 là 26.600 VND/cổ phiếu và số lượng cổ phiếu mà Công ty đang nắm giữ là 137.910 cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Marubeni Corporation	10.433.376.291	19.154.090.229
Maruha Nichiro Sea foods INC	12.028.133.848	22.879.929.797
Công ty Cổ phần Đầu tư 3GR	23.986.810.400	23.986.810.400
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân	19.180.435.650	19.180.435.650
Công ty Cổ phần Inox Hòa Bình	31.820.416.195	31.820.416.195
Các khách hàng khác	41.366.004.967	46.304.907.891
Cộng	138.815.177.351	163.326.590.162

4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Công ty Cổ phần Seatecco	439.450.000	195.000.000
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Đan San	-	98.100.000
Công ty TNHH MSC Việt Nam	112.626.869	24.000.000
Công ty TNHH MTV Đầu Tư Xây Dựng NHL	499.822.000	-
Các nhà cung cấp khác	1.600.167.631	514.016.482
Cộng	2.652.066.500	831.116.482

4.5. Phải thu ngắn hạn khác

	Tại ngày 30/06/2023 VND		Tại ngày 01/01/2023 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký cược, ký quỹ	47.200.000	-	12.000.000	-
Ký quỹ mở LC UPAS	337.341.612	-	15.676.497.372	-
Tạm ứng	89.131.457	-	51.674.080	-
Phải thu bảo hiểm	923.894.514	-	414.224.928	-
Lãi dự thu	81.715.878	-	85.232.877	-
Cổ tức được chia	262.029.000	-	-	-
Phải thu khác	175.914.966	-	180.561.091	-
Cộng	1.917.227.427	-	16.420.190.348	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**4.6. Nợ xấu**

	Tại ngày 30/06/2023 VND		Tại ngày 01/01/2023 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán	96.736.021.505	-	96.736.021.505	-
Cộng	96.736.021.505	-	96.736.021.505	-

Ban Tổng Giám đốc đánh giá khả năng thu hồi nợ phải thu quá hạn là thấp vì các khoản nợ này đã tồn tại lâu và chưa thu hồi được.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu, cho vay quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2023 VND			Tại ngày 01/01/2023 VND		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Công ty TNHH Inox Đại Phát	2.178.000.000	-	Từ 3 năm trở lên	2.178.000.000	-	Từ 3 năm trở lên
Công ty CP Inox Hòa Bình	31.820.416.195	-	Từ 3 năm trở lên	31.820.416.195	-	Từ 3 năm trở lên
Công ty TNHH Cơ Khí Đóng Tàu Hà Đức	3.812.860.589	-	Từ 3 năm trở lên	3.812.860.589	-	Từ 3 năm trở lên
Công ty CP XNK Thép Phú Lâm	9.994.961.290	-	Từ 3 năm trở lên	9.994.961.290	-	Từ 3 năm trở lên
Công ty CP Đầu tư và Phát Triển Đức Quán	19.180.435.650	-	Từ 3 năm trở lên	19.180.435.650	-	Từ 3 năm trở lên
Công ty CP Đầu tư 3GR	23.986.810.400	-	Từ 3 năm trở lên	23.986.810.400	-	Từ 3 năm trở lên
DNTN TMDV XNK Hợp Thành Công	2.022.218.557	-	Từ 3 năm trở lên	2.022.218.557	-	Từ 3 năm trở lên
Công ty TNHH TM Tân Vinh Thái	3.740.318.824	-	Từ 3 năm trở lên	3.740.318.824	-	Từ 3 năm trở lên
Cộng	96.736.021.505	-		96.736.021.505	-	

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**4.7. Hàng tồn kho**

	Tại ngày 30/06/2023		Tại ngày 01/01/2023	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	12.323.845.227	-	13.074.542.242	-
Công cụ, dụng cụ	689.169.000	-	675.692.295	-
Chi phí SX, KD dở dang	204.248.587.925	-	243.614.310.783	-
Thành phẩm	940.274.250	-	1.398.059.851	-
Hàng hóa	-	-	91.253.612	-
Cộng	218.201.876.402	-	258.853.858.783	-

Không có hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối kỳ.

Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại thời điểm cuối kỳ là 204.248.587.925 VND.

4.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày	Tại ngày
	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Phần mềm thống kê, nhân sự, tiền lương	323.400.000	323.400.000
Chi phí thiết kế cải tạo, mở rộng kho bao bì, nhà ăn, nhà bảo vệ	75.000.000	-
Cộng	398.400.000	323.400.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THUY SÀN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**4.9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/01/2023	79.870.678.670	174.868.840.981	4.130.172.385	1.553.460.930	260.423.152.966
Mua trong kỳ	-	695.054.000	-	-	695.054.000
Xây dựng cơ bản hoàn thành	-	1.224.615.000	-	-	1.224.615.000
Giảm khác	-	(194.348.200)	-	-	(194.348.200)
Tại ngày 30/06/2023	79.870.678.670	176.594.161.781	4.130.172.385	1.553.460.930	262.148.473.766
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/01/2023	67.646.550.816	114.759.389.623	2.681.234.508	1.251.156.202	186.338.331.149
Khấu hao trong kỳ	928.049.176	4.139.292.188	228.219.144	40.228.154	5.335.788.662
Giảm khác	-	(194.348.200)	-	-	(194.348.200)
Tại ngày 30/06/2023	68.574.599.992	118.704.333.611	2.909.453.652	1.291.384.356	191.479.771.611
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/01/2023	12.224.127.854	60.109.451.358	1.448.937.877	302.304.728	74.084.821.817
Tại ngày 30/06/2023	11.296.078.678	57.889.828.170	1.220.718.733	262.076.574	70.668.702.155

Giá trị còn lại tại ngày 30/06/2023 của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay là 29.741.738.045 VND.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 148.825.722.936 VND.

Nguyên giá và hao mòn lũy kế của TSCĐ hữu hình cuối kỳ chờ thanh lý lần lượt là 955.194.460 VND và 238.796.615 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

4.10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2023	5.062.374.111	253.000.000	5.315.374.111
Mua trong kỳ	-	-	-
Tại ngày 30/06/2023	5.062.374.111	253.000.000	5.315.374.111
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2023	2.201.899.071	137.041.670	2.338.940.741
Khấu hao trong kỳ		21.083.334	21.083.334
Tại ngày 30/06/2023	2.201.899.071	158.125.004	2.360.024.075
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2023	2.860.475.040	115.958.330	2.976.433.370
Tại ngày 30/06/2023	2.860.475.040	94.874.996	2.955.350.036

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình đã dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay là 2.860.475.040 VND.

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 2.201.899.071 VND.

4.11. Chi phí trả trước

	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Ngắn hạn:		
Chi phí bảo dưỡng, sửa chữa	229.989.581	386.515.374
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	173.357.000	381.681.297
Tiền thuê đất	499.517.079	-
Chi phí dịch vụ ký quỹ L/C Upas	141.626.561	319.454.128
Các khoản khác	2.586.903.906	2.195.045.839
Cộng	3.631.394.127	3.282.696.638
Dài hạn:		
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	-	19.662.493
Cộng	-	19.662.493

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

4.12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2023 VND		Tại ngày 01/01/2023 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Hải Nam	1.347.922.290	1.347.922.290	1.186.230.920	1.186.230.920
Công ty TNHH Kỹ thuật cơ nhiệt Vinh Quang	1.792.830.000	1.792.830.000	1.792.830.000	1.792.830.000
SREERAGAM EXPORT PVT LTD	-	-	4.590.669.600	4.590.669.600
TOKAI DENPUN CO., LTD	3.086.977.500	3.086.977.500	4.279.219.006	4.279.219.006
Công ty Cổ phần Đông Á	1.213.722.620	1.213.722.620	1.405.619.136	1.405.619.136
Bhimraj Exports PVT.LTD	2.492.325.000	2.492.325.000	-	-
Các đối tượng khác	6.864.156.294	6.864.156.294	7.833.486.457	7.833.486.457
Cộng	16.797.933.704	16.797.933.704	21.088.055.119	21.088.055.119

4.13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Công ty TNHH Thương Mại và Dịch vụ Đại Nguyên Nam	1.500.000.000	-
Các khách hàng khác	7.812.950	32.146.753
Cộng	1.507.812.950	32.146.753

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**4.14. Thuế và các khoản phải thu/ phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 30/06/2023		Trong kỳ		Tại ngày 01/01/2023	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp/khấu trừ	Phải thu	Phải nộp
Thuế GTGT đầu ra	-	15.052.906	729.624.680	725.682.885	-	11.111.111
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.889.549	-	-	-	9.889.549	-
Thuế thu nhập cá nhân	295.695.998	-	(118.278.312)	318.741.284	-	141.323.598
Thuế tài nguyên	-	-	29.906.400	29.906.400	-	-
Tiền thuế đất	-	-	978.634.210	978.634.210	-	-
Các loại thuế khác	-	-	5.000.000	291.994.364	-	286.994.364
Cộng	305.585.547	15.052.906	1.624.886.978	2.344.959.143	9.889.549	439.429.073

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**4.15. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Lãi vay dự trả	302.944.722	415.263.040
Tiền thuê đất	1.481.107.980	1.346.461.800
Trích trước chi phí vận chuyển	666.464.877	555.929.601
Các khoản trích trước khác	388.545.764	794.115.969
Cộng	2.839.063.343	3.111.770.410

4.16. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Doanh thu nhận trước cho thuê nhà	160.000.000	100.000.000
Trích chiết khấu bán hàng	245.128.089	-
Cộng	405.128.089	100.000.000

4.17. Phải trả ngắn hạn khác

	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Tài sản thừa chờ giải quyết	1.000.000.000	1.000.000.000
Kinh phí công đoàn	614.470.140	518.564.021
BHXH, BHYT, BHTN	272.389.954	208.345.229
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	178.521.645	179.519.145
Ngân hàng TMCP Công thương VN - CN Đà Nẵng - LC UPAS	-	1.981.755.072
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn VN - CN Đà Nẵng - LC UPAS	-	32.195.873.002
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN - CN Đà Nẵng - LC UPAS	26.138.294.300	41.713.432.596
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	914.000.000	914.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	325.526.438	329.485.663
Cộng	29.443.202.477	79.040.974.728

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

4.18. Vay và nợ thuế tài chính

	Tại ngày 30/06/2023		Trong kỳ		Tại ngày 01/01/2023	
	USD	VND	Tăng	Giảm	USD	VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Vay ngắn hạn (VND)						
+ Ngân hàng TM CP Công thương VN	89.144.513.748	89.144.513.748	107.865.314.272	73.922.012.577	55.201.212.053	55.201.212.053
- CN Ngũ Hành Sơn	22.822.063.708	22.822.063.708	22.822.063.708	3.761.792.212	3.761.792.212	3.761.792.212
+ Ngân hàng NN & PTNT Việt Nam						
- CN Đà Nẵng	20.849.351.261	20.849.351.261	24.042.155.261	14.395.058.278	11.202.254.278	11.202.254.278
+ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN	40.215.963.897	40.215.963.897	55.743.960.421	45.850.542.023	30.322.545.499	30.322.545.499
- CN Đà Nẵng	5.257.134.882	5.257.134.882	5.257.134.882	9.914.620.064	9.914.620.064	9.914.620.064
+ Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	134.735.487.179	134.735.487.179	191.804.920.113	211.845.084.503	154.775.651.569	154.775.651.569
- Chi nhánh Đà Nẵng						
- Vay ngắn hạn (USD)	406.823,20 #	9.682.392.160	13.530.798.399	27.938.280.575	24.089.874.336	24.089.874.336
+ Ngân hàng TM CP Công thương VN	2.477.962,20 #	58.802.043.006	67.755.895.273	56.058.851.467	47.104.999.200	47.104.999.200
- CN Đà Nẵng						
+ Ngân hàng NN & PTNT Việt Nam	1.552.241,00 #	36.865.723.750	73.935.672.045	90.543.348.935	53.473.400.640	53.473.400.640
+ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN						
- CN Đà Nẵng	1.237.381,18 #	29.385.328.263	36.582.554.396	37.304.603.526	30.107.377.393	30.107.377.393
+ Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam						
- Chi nhánh Đà Nẵng						
- Nợ dài hạn đến hạn trả						
+ Ngân hàng TM CP Công thương VN	5.961.018.084	5.961.018.084	2.982.509.042	2.978.509.042	5.957.018.084	5.957.018.084
- CN Ngũ Hành Sơn	1.648.000.000	1.648.000.000	826.000.000	822.000.000	1.644.000.000	1.644.000.000
+ Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam						
- Chi nhánh Đà Nẵng	3.203.418.084	3.203.418.084	1.601.709.042	1.601.709.042	3.203.418.084	3.203.418.084
+ Quỹ Đầu tư Phát triển Thành phố Đà Nẵng	1.109.600.000	1.109.600.000	554.800.000	554.800.000	1.109.600.000	1.109.600.000
Cộng	229.841.019.011	229.841.019.011	302.652.743.427	288.745.606.122	215.933.881.706	215.933.881.706

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

	Tại ngày 30/06/2023		Trong kỳ		Tại ngày 01/01/2023	
	USD	VND	VND	USD	VND	VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tang	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Vay dài hạn						
+ Ngân hàng TM CP Công thương VN	11.413.404.455	11.413.404.455	-	2.982.509.042	14.395.913.497	14.395.913.497
- CN Ngũ Hành Sơn	1.439.080.000	1.439.080.000	-	826.000.000	2.265.080.000	2.265.080.000
+ Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	6.090.724.455	6.090.724.455	-	1.601.709.042	7.692.433.497	7.692.433.497
- Chi nhánh Đà Nẵng	3.883.600.000	3.883.600.000	-	554.800.000	4.438.400.000	4.438.400.000
+ Quỹ Đầu tư Phát triển Thành phố Đà Nẵng						
Cộng	11.413.404.455	11.413.404.455	-	2.982.509.042	14.395.913.497	14.395.913.497

Chi tiết các hợp đồng vay ngắn hạn như sau:

Đối tượng	Hợp đồng hạn mức	Hạn mức cho vay	Thời hạn cho vay	Lãi suất vay	Mục đích sử dụng vốn vay	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng	Hợp đồng số 112-00004684.01 648/2023/HĐ TD ngày 12/05/2023	60.000.000.000 VND	12 tháng	Theo giấy nhân nợ cụ thể	Bổ sung vốn lưu động	- Bảng tài tóm tắt BTTB-300-9LP sản xuất tại Việt Nam (03 bảng tài) thuộc sở hữu của KH. - Máy đá vẩy MĐV-20T, sản xuất tại Việt Nam thuộc sở hữu của KH. - Xe ô tô Toyota Camry, model code: ASV70L-Jetku, xe mới 100%, sản xuất năm 2019. - Thiết bị cấp đông siêu tốc đơn 500kg/h Glory Thermal JCT-S 500 thuộc sở hữu của KH. - Xe ô tô tải (thùng kín), sản xuất năm 2020 tại Việt Nam thuộc sở hữu của KH. - 2 máy đóng gói hút chân không, mã hiệu J-V006 thuộc sở hữu của KH. - Máy rửa đông cá, mã hiệu MRD-1T-TN thuộc sở hữu của KH. - Máy đóng gói hút chân không dạng băng tải, Model: J-V021 thuộc sở hữu của KH. - Máy dò kim loại Anritsu, Model: KDS4510BW thuộc sở hữu của KH.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Đối tượng	Hợp đồng hạn mức	Hạn mức cho vay	Thời hạn cho vay	Lãi suất vay	Mục đích sử dụng vốn vay	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Đà Nẵng	Hợp đồng cho vay hạn mức số 67/2023/CV/VCB-KHDN ngày 12/6/2023	100.000.000.000 VND	12 tháng	Theo giấy nhận nợ cụ thể	Bổ sung vốn lưu động	<ul style="list-style-type: none"> - Máy đánh bột khô, mã hiệu MDB-300-TN thuộc sở hữu của KH. - Máy đánh bột nước, mã hiệu MKB-TN thuộc sở hữu của KH. - Dàn ngưng công suất 450KW thuộc sở hữu của KH. - Dàn ngưng công suất 1000kW thuộc sở hữu của KH. - Máy dò tạp chất Xray thuộc sở hữu của KH. - Thiết bị cấp đông IQF công suất 500kg/h thuộc sở hữu của KH. - Hợp đồng Thế chấp quyền sử dụng đất số 47/2010/VCB-ĐN ngày 20/10/2010. - Hợp đồng Thế chấp tài sản số 29/2011/VCB-ĐN ngày 30/03/2011. - Hợp đồng Thế chấp tài sản số 049/2011/VCB-ĐN ngày 06/05/2011. - Hợp đồng Thế chấp hàng hóa số 26/2019/VCB-ĐN ngày 10/05/2019. - Hợp đồng Thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng số 25/2019/VCB-ĐN ngày 10/05/2019. - Hợp đồng Cầm cố số dư tiền gửi có kỳ hạn số 185/2022/VCB-ĐN ngày 31/10/2022.
Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng	Hợp đồng tín dụng số 200LAV2022 01034/HĐTĐ/ARG_SEA ngày 29/06/2022	80.000.000.000 VND	12 tháng	Theo giấy nhận nợ cụ thể	Bổ sung vốn lưu động	<ul style="list-style-type: none"> - Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của Công ty CP Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản Miền Trung tại thửa đất số 59, tờ bản đồ số 16, địa chỉ 261-263 Phan Châu Trinh, p. Phước Ninh, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 280282 (Số vào sổ cấp GCN: T 01657) do UBND TP. Đà Nẵng cấp ngày 18/04/2008 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 2000LAV2011/HĐTĐ/BĐS/SEA ký kết ngày 06 tháng 07 năm 2011. - Thế chấp tài sản là Phân xưởng chế biến số 3 và Kho lạnh 800 tấn, cùng toàn bộ máy móc thiết bị thuộc tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 072015/HĐTĐ/SEA ngày 28/07/2015.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Đối tượng	Hợp đồng hạn mức	Hạn mức cho vay	Thời hạn cho vay	Lãi suất vay	Mục đích sử dụng vốn vay	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng Thương mại CP Công thương Việt Nam- CN Ngũ Hành Sơn	Hợp đồng số 01/2022/HĐC VHM/NHCT4 86-SEA ngày 30/06/2022	35.000.000.000 VND	12 tháng	Theo giấy nhận nợ cụ thể	Bổ sung vốn lưu động	<ul style="list-style-type: none"> - Thẻ chấp theo Hợp đồng thế chấp số 018/HĐTCTS ngày 01/06/2006. - Thẻ chấp theo Hợp đồng thế chấp số 018-SEATH ngày 08/12/2006. - Thẻ chấp toàn bộ dây chuyền sản xuất thực ăn nuôi tôm. - Thẻ chấp theo Hợp đồng thế chấp số 01/2013/HĐTC-QTS.

Chi tiết các khoản vay dài hạn như sau:

Đối tượng	Hợp đồng hạn mức	Hạn mức cho vay	Thời hạn cho vay	Lãi suất vay	Mục đích sử dụng vốn vay	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng Thương mại CP Công thương Việt Nam- CN Ngũ Hành Sơn	Hợp đồng số 01/2018- HĐCVTL/NHC T486-SEA	10.900.000.000 VND	84 tháng	Theo giấy nhận nợ cụ thể	Đầu tư 01 thiết bị cấp đông IQF siêu tốc 750kg/h, tái đông 900kg/h, máy nén, dàn ngưng và 02 máy dò kim loại Model KDS 4510ABW phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh thủy sản	<ul style="list-style-type: none"> - Dây chuyền cấp đông IQF siêu tốc 750kg/h, tái đông 900kg/h, Glory Thermal Jet – M7505; - Hệ thống máy nén, dàn ngưng; - Máy dò kim loại Model KDS451ABW.
	Hợp đồng số 01/2019/HĐB Đ/NHCT486/S EA	2.400.000.000 VND	60 tháng	Theo giấy nhận nợ cụ thể	Thanh toán đợt 2 40% tiền mua máy hấp luộc Anh Phát.	<ul style="list-style-type: none"> - Máy hấp 750kg/h, chế tạo Anh Phát, model MH-750-TN, công dụng hấp tôm và các sản phẩm khác.
Ngân hàng TMCP Hải Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng	Hợp đồng số 112-00004684.016 48/2023/HĐT D ngày 12/05/2023	9.900.000.000 VND	Vay trung hạn	Theo giấy nhận nợ cụ thể	Bổ sung vốn lưu động	<ul style="list-style-type: none"> - Bảng tài tôm bột BTTB-300-9LP sản xuất tại Việt Nam (03 bảng tài) thuộc sở hữu của KH. - Máy đá vảy ĐBV-20T, sản xuất tại Việt Nam thuộc sở hữu của KH. - Xe ô tô Toyota Camry, model code: ASV70L-Jetaku, xe mới 100%, sản xuất năm 2019. - Thiết bị cấp đông siêu tốc đơn 500kg/h Glory Thermal JCT-S 500 thuộc sở hữu của KH.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Đối tượng	Hợp đồng hạn mức	Hạn mức cho vay	Thời hạn cho vay	Lãi suất vay	Mục đích sử dụng vốn vay	Tài sản đảm bảo
						<ul style="list-style-type: none"> - Xe ô tô tải (thùng kín), sản xuất năm 2020 tại Việt Nam thuộc sở hữu của KH. - 2 máy đóng gói hút chân không, mã hiệu J-V006 thuộc sở hữu của KH. - Máy rã đông cá, mã hiệu MRD-1T-TN thuộc sở hữu của KH. - Máy đóng gói hút chân không dạng băng tải, Model: J-V021 thuộc sở hữu của KH. - Máy dò kim loại Anritsu, Model: KDS4510BW thuộc sở hữu của KH. - Máy đánh bột khô, mã hiệu MDB-300-TN thuộc sở hữu của KH. - Máy đánh bột nước, mã hiệu MKB-TN thuộc sở hữu của KH. - Dàn ngưng công suất 450kW thuộc sở hữu của KH. - Dàn ngưng công suất 1000kW thuộc sở hữu của KH. - Máy dò tạp chất Xray thuộc sở hữu của KH. - Thiết bị cấp đông IQF công suất 500kg/h thuộc sở hữu của KH.
	Hợp đồng số 16.06B/2020/HĐCV	3.360.000.000 VND	60 tháng	Theo giấy nhận nợ cụ thể	Đầu tư máy móc thiết bị là thiết bị cấp đông siêu tốc 500kg/h	<ul style="list-style-type: none"> - Hợp đồng thế chấp số 20.03A/2020/ĐĐ và 20/03B/2020/ĐĐ ngày 20/03/2020. - Hợp đồng thế chấp số 26.03/2020/ĐĐ ngày 26/03/2020. - Thế chấp thiết bị cấp đông siêu tốc đơn 500kg.h GLORY JCT.
	Hợp đồng số 20.03/2020/HĐCV	1.600.000.000 VND	60 tháng	Theo giấy nhận nợ cụ thể	Đầu tư tài sản phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư mới 01 xe ô tô 5 chỗ hiệu Toyota Camry	<ul style="list-style-type: none"> - Thế chấp băng tải tôm bột BTTB-300-9LP sản xuất tại Việt Nam (03 băng tải). - Thế chấp Máy đá Vảy MĐV-20t, sản xuất tại Việt Nam. - Xe ô tô Toyota Camry

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THUY SẢN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Đối tượng	Hợp đồng hạn mức	Hạn mức cho vay	Thời hạn cho vay	Lãi suất vay	Mục đích sử dụng vốn vay	Tài sản đảm bảo
	Hợp đồng số 02.06/2021/H ĐTD	11.250.000.000 VND	60 tháng	Theo giấy nhận nợ cụ thể	Đầu tư tài sản là máy móc thiết bị và xe ô tô phục vụ sản xuất kinh doanh	<ul style="list-style-type: none"> - Xe ô tô tải (thùng kín), sản xuất năm 2020 tại Việt Nam thuộc sở hữu của KH. - 2 máy đóng gói hút chân không, mã hiệu J-V006 thuộc sở hữu của KH. - Máy rửa đông cá, mã hiệu MRD-1T-TN thuộc sở hữu của KH. - Máy đóng gói hút chân không dạng băng tải, Model: J-V021 thuộc sở hữu của KH. - Máy dò kim loại Anritsu, Model: KDS4510BW thuộc sở hữu của KH. - Máy đánh bột khô, mã hiệu MDB-300-TN thuộc sở hữu của KH. - Máy đánh bột nước, mã hiệu MKB-TN thuộc sở hữu của KH. - Dàn ngưng công suất 450kW thuộc sở hữu của KH. - Dàn ngưng công suất 1000kW thuộc sở hữu của KH. - Máy dò tạp chất Xray thuộc sở hữu của KH. - Cụm máy nén trục vít MYCOM thuộc sở hữu của KH. - Thiết bị cấp đông IQF công suất 500kg/h thuộc sở hữu của KH.
Quý Đầu tư Phát triển Thành phố Đà Nẵng	Hợp đồng số 13/2022/HĐT D ngày 26/08/2022	5.548.000.000 VND	60 tháng	Theo giấy nhận nợ cụ thể	Thanh toán chi phí đầu tư của dự án Đầu tư máy phân cỡ gam công nghệ cao cho Tôm	<ul style="list-style-type: none"> - Tài sản thế chấp là tài sản hình thành trong tương lai (01 máy phân cỡ camera 6 size) thuộc dự án Đầu tư máy phân cỡ gam công nghệ cao cho Tôm theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 29/2022/HĐTTC ngày 26/08/2022. - Tài sản thế chấp là 14 máy móc chuyên dùng theo hợp đồng thế chấp số 30/2022/HĐTTC ngày 20/09/2022.



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**4.19. Vốn chủ sở hữu****4.19.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu				
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2022	120.000.000.000	(101.650.000)	11.388.233.760	(15.677.566.969)	115.609.016.791
Lãi trong 6 tháng đầu năm trước	-	-	-	5.706.331.188	5.706.331.188
Số dư tại ngày 30/06/2022	120.000.000.000	(101.650.000)	11.388.233.760	(9.971.235.781)	121.315.347.979
Lãi trong 6 tháng cuối năm trước	-	-	-	1.803.493.626	1.803.493.626
Số dư tại ngày 01/01/2023	120.000.000.000	(101.650.000)	11.388.233.760	(8.167.742.155)	123.118.841.605
Lãi trong 6 tháng đầu năm nay	-	-	-	435.071.119	435.071.119
Tại ngày 30/06/2023	120.000.000.000	(101.650.000)	11.388.233.760	(7.732.671.036)	123.553.912.724

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**4.19.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Vốn góp của Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam	43.675.380.000	43.675.380.000
Vốn góp của các cổ đông khác	76.324.620.000	76.324.620.000
Cộng	120.000.000.000	120.000.000.000

4.19.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Vốn góp tại ngày 01/01	120.000.000.000	120.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp tại ngày 30/06	120.000.000.000	120.000.000.000

4.19.4. Cổ phiếu

	Tại ngày 30/06/2023	Tại ngày 01/01/2023
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.000.000	12.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.000.000	12.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	12.000.000	12.000.000
<i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
<i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.000.000	12.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	12.000.000	12.000.000
<i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-
Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần		

4.19.5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	435.071.119	5.706.331.188
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Lãi sau thuế của cổ đông Công ty	435.071.119	5.706.331.188
Số cổ phần lưu hành bình quân trong kỳ	12.000.000	12.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	36	476

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**4.19.6. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	435.071.119	5.706.331.188
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm LNST	-	-
Lãi để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	435.071.119	5.706.331.188
Số lượng CP phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	12.000.000	12.000.000
Số lượng CP phổ thông dự kiến phát hành thêm	-	-
Số lượng CP để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	12.000.000	12.000.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	36	476

Lãi cơ bản/ lãi suy giảm trên cổ phiếu 6 tháng năm 2023 được tính dựa trên toàn bộ lợi nhuận sau thuế chưa trừ quỹ khen thưởng phúc lợi dự kiến trích trong năm 2023 do Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Điều lệ Công ty không quy định tỷ lệ trích cụ thể.

4.20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Tại ngày 30/06/2023 USD	Tại ngày 01/01/2023 USD
Ngoại tệ các loại USD	1.736.028,25	453.681,20
	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Nợ khó đòi đã xử lý:		
Công ty TNHH Mỹ Đức - Xóa sổ do tồn đọng lâu	87.511.000	87.511.000
Seatraco - Xóa sổ do Doanh nghiệp phá sản	1.540.050.033	1.540.050.033
Công ty TNHH Tân Hải Hưng - Xóa sổ do tồn đọng lâu	318.571.653	318.571.653
Công ty CP Bê Tông Ly Tâm Dung Quất - Xóa sổ do tồn đọng lâu	128.132.540	128.132.540
Các cá nhân khác - Xóa sổ do tồn đọng lâu	88.041.415	263.869.535

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ****5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu hải sản	326.745.860.956	463.559.594.445
Doanh thu sản xuất thức ăn tôm, cá gia súc	5.443.063.011	7.783.535.218
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.956.782.823	6.511.866.420
Cộng	336.145.706.790	477.854.996.083

5.2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chiết khấu thương mại	52.388.732	47.752.902
Hàng bán bị trả lại	155.370.000	10.909.091
Cộng	207.758.732	58.661.993

5.3. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn hải sản	297.824.103.121	422.268.585.660
Giá vốn sản xuất thức ăn tôm, cá gia súc	5.233.444.431	7.130.212.747
Giá vốn cung cấp dịch vụ	1.628.445.086	3.670.681.845
Cộng	304.685.992.638	433.069.480.252

5.4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi	258.435.396	1.946.950
Lãi đầu tư	31.750.000	31.875.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	262.029.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	5.405.257.668	2.119.864.132
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	282.052.592
Cộng	5.957.472.064	2.435.738.674

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

5.5. Chi phí tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí lãi vay	8.232.618.571	7.056.582.146
Lỗi chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	1.823.949.913	87.857.798
Phí lưu ký chứng khoán	-	298.662
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	204.288.983	-
Cộng	10.260.857.467	7.144.738.606

5.6. Chi phí bán hàng

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên bán hàng	59.354.843	83.249.754
Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	7.430.436.165	13.357.428.681
Cộng	7.489.791.008	13.440.678.435

5.7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	14.917.279.097	15.860.340.584
Chi phí đồ dùng văn phòng	199.595.635	311.760.284
Chi phí khấu hao TSCĐ	395.575.542	395.575.542
Thuế, phí, lệ phí	11.394.946	10.122.508
Chi phí dự phòng	-	1.152.507.476
Chi phí dịch vụ mua ngoài	980.425.124	1.547.759.425
Chi phí bằng tiền khác	3.138.630.859	1.618.334.623
Cộng	19.642.901.203	20.896.400.442

5.8. Thu nhập khác

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Hỗ trợ lưu kho	464.379.876	-
Thu thanh lý CCDC	-	42.407.407
Thu tiền từ việc thu hồi công nợ đã xóa	175.828.120	-
Thu nhập khác	42.876	58.909.690
Cộng	640.250.872	101.317.097

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

5.9. Chi phí khác

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Phạt vi phạm hành chính, phạt chậm nộp thuế	19.049.472	75.756.345
Chi phí khác	2.008.087	4.593
Cộng	21.057.559	75.760.938

5.10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	435.071.119	5.706.331.188
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	(913.550.424)	(246.351.091)
Cộng:	319.049.472	820.650.297
- <i>Thu lao HĐQT, BKS không trực tiếp điều hành</i>	300.000.000	214.800.000
- <i>Phạt chậm nộp thuế, truy thu thuế, phạt hành chính</i>	19.049.472	75.756.345
- <i>Lãi CLTG đánh giá lại năm trước tiền và nợ phải thu</i>	-	530.093.952
- <i>Chi phí không hợp lý, hợp lệ</i>	-	-
Trừ:	1.232.599.896	1.067.001.388
- <i>Cổ tức lợi nhuận được chia</i>	262.029.000	-
- <i>Lỗ CLTG đánh giá lại năm trước tiền và nợ phải thu</i>	278.729.253	-
- <i>Lãi CLTG đánh giá lại cuối kỳ tiền và nợ phải thu</i>	691.841.643	1.067.001.388
Tổng thu nhập chịu thuế	(478.479.305)	5.459.980.097
- <i>Thu nhập được hưởng ưu đãi thuế</i>	127.330.937	6.691.385.382
- <i>Thu nhập của hoạt động khác</i>	(605.810.242)	(1.231.405.285)
Trừ: Lỗ năm trước chuyển sang	-	5.459.980.097
Tổng thu nhập tính thuế	-	-
- <i>Hoạt động ưu đãi</i>	-	-
- <i>Hoạt động không ưu đãi</i>	-	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp		
<i>Thuế suất thuế TNDN hoạt động ưu đãi</i>	15%	15%
<i>Thuế suất thuế TNDN hoạt động khác</i>	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
- <i>Thuế TNDN của hoạt động được hưởng ưu đãi thuế</i>	-	-
- <i>Thuế TNDN của hoạt động khác</i>	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**5.11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	238.638.951.747	408.297.462.522
Chi phí nhân công	15.529.327.461	16.631.467.734
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.356.871.996	5.144.273.400
Chi phí dịch vụ mua ngoài	29.319.999.381	32.376.657.803
Chi phí khác bằng tiền	3.150.025.805	4.815.387.048
Cộng	<u>291.995.176.390</u>	<u>467.265.248.507</u>

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**6.1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ**

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	299.670.234.385	250.498.455.811
Cộng	<u>299.670.234.385</u>	<u>250.498.455.811</u>

6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	288.745.606.122	230.022.940.993
Cộng	<u>288.745.606.122</u>	<u>230.022.940.993</u>

7. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Công ty có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo khu vực địa lý kinh doanh như sau:

- Công ty Phát triển Nguồn lợi Thủy Sản
- Công ty Chế biến và Xuất khẩu thủy sản Thọ Quang.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý	Công ty PTNL Thủy sản		Công ty CB & XK TS Thọ Quang	
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu bộ phận	5.405.758.824	8.155.782.316	-	-
- Từ khách hàng bên ngoài	5.405.758.824	8.155.782.316	-	-
- Giữa các bộ phận	-	-	-	-
Chi phí bộ phận	5.853.628.205	7.884.045.630	-	-
- Từ khách hàng bên ngoài	5.853.628.205	7.884.045.630	-	-
- Giữa các bộ phận	-	-	-	-
Lãi (lỗ) hoạt động KD	(447.869.381)	271.736.686	-	-
Lãi vay	-	-	-	-
Lãi (lỗ) hữ tài chính khác	236.744	487.112	-	-
Lãi (lỗ) hoạt động tài chính	236.744	487.112	-	-
Thu nhập khác	175.870.996	2.357.407	-	-
Chi phí khác	66.637	4.593	-	-
Lãi (lỗ) hoạt động khác	175.804.359	2.352.814	-	-
Lợi nhuận trước thuế	(271.828.278)	274.576.612	-	-
Thuế TNDN	-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN	(271.828.278)	274.576.612	-	-
	Công ty PTNL Thủy sản			
	Công ty CB & XK TS Thọ Quang			
Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Tài sản bộ phận	9.834.030.781	10.225.317.740	59.106.280	59.442.575
Tổng tài sản	9.834.030.781	10.225.317.740	59.106.280	59.442.575
Nợ phải trả bộ phận	1.538.344.115	1.657.802.796	59.106.280	59.442.575
Tổng nợ phải trả	1.538.344.115	1.657.802.796	59.106.280	59.442.575

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

	Công ty PTNL Thủy sản		Công ty CB & XK TS Thọ Quang	
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý				
Chi phí mua sắm tài sản	-	-	-	-
Chi phí khấu hao	23.007.800	44.273.400	-	-
	Vấn phòng		Loại trừ	
				Tổng cộng
Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý	Kỳ này VND	Kỳ trước VND	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí mua sắm tài sản	1.919.669.000	1.456.740.000	-	1.456.740.000
Chi phí khấu hao	5.333.864.196	5.100.000.000	-	5.144.273.400
			1.919.669.000	1.456.740.000
			5.356.871.996	5.144.273.400

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN****Danh sách các bên liên quan**

Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam
 HĐQT và Ban Tổng Giám đốc
 Công ty CP Đầu tư New City Seadanang

Mối quan hệ

Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể
 Nhân sự quản lý chủ chốt
 Công ty liên kết

Thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức danh</u>	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Ông Lê Vĩnh Hòa	Chủ tịch HĐQT	60.000.000	48.000.000
Ông Trần Mạnh Hữu	Phó chủ tịch HĐQT	-	18.000.000
Ông Lê Mạnh Thường	Ủy viên HĐQT	-	18.000.000
Bà Trần Như Thiên My	Ủy viên HĐQT	-	18.000.000
Ông Đỗ Văn Sinh	Ủy viên HĐQT	-	18.000.000
Bà Nguyễn Thị Hoàng Lan	Ủy viên HĐQT	45.000.000	18.000.000
Ông Phạm Trường Giang	Ủy viên HĐQT	45.000.000	18.000.000
Bà Đỗ Thị Bích Vân	Ủy viên HĐQT	45.000.000	18.000.000
Ông Trần Hữu Hoàng	Ủy viên HĐQT	45.000.000	18.000.000
Ông Trần Phước Thái	Trưởng Ban kiểm soát (Miễn nhiệm ngày 19/04/2022)	-	9.600.000
Bà Phạm Thị Thúy Hằng	Trưởng Ban kiểm soát (Bổ nhiệm ngày 19/04/2022)	24.000.000	9.600.000
Ông Trần Hữu Hoàng	Thành viên BKS	-	7.200.000
Ông Phạm Minh Khuê	Thành viên BKS	-	7.200.000
Ông Lưu Mạnh Cường	Thành viên BKS	18.000.000	7.200.000
Ông Vũ Văn Đông	Thành viên BKS	18.000.000	7.200.000

Tiền lương, thưởng và các khoản thu nhập khác của các thành viên Ban Tổng Giám đốc:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức danh</u>	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Bà Trần Như Thiên My	Tổng Giám đốc	361.684.700	411.092.900
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	287.468.600	357.984.250

9. CAM KẾT THEO CÁC HỢP ĐỒNG THUÊ HOẠT ĐỘNG***Công ty là bên đi thuê***

Hợp đồng thuê đất với Công ty Phát triển và Khai thác hạ tầng KCN Đà Nẵng tổng diện tích thuê 29.141 m², giá thuê theo chỉ đạo của UBND thành phố Đà Nẵng và thời hạn thuê 40 năm (từ ngày 14 tháng 12 năm 2001 đến ngày 14 tháng 12 năm 2041) với số tiền thuê trả tiền hàng năm. Hợp đồng thuê đất với Công ty Phát triển đô thị và Khu công nghiệp Quảng Nam – Đà Nẵng tổng diện tích thuê 20.020 m², giá thuê 0,55/USD/m² Công ty được miễn tiền thuê đất đến hết năm 2005, thanh toán 8 năm một lần và thời hạn thuê 45 năm kể từ ngày ký hợp đồng ngày 02 tháng 03 năm 2002.

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Chi phí thuê hoạt động ghi nhận trong kỳ	586.751.872	563.186.080
Cộng	586.751.872	563.186.080

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

10. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Căn cứ theo Quyết định số 2515/QĐ-UBND ngày 26 tháng 09 năm 2022, UBND thành phố Đà Nẵng quyết định thu hồi đất cho thuê với Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung tại số 31, đường Ngũ Hành Sơn, phường Mỹ An, quận Ngũ Hành Sơn. Tại ngày 14 tháng 07 năm 2023, Công ty, UBND quận Ngũ Hành Sơn, UBND phường Mỹ An và Trung tâm Phát triển quỹ đất TP. Đà Nẵng đã ký biên bản về việc bàn giao và thu hồi khu đất trên.

11. CÁC THÔNG TIN KHÁC

Công ty đang phát sinh các vụ kiện thu hồi nợ với hai công ty, bao gồm: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân và Công ty Cổ phần Đầu tư 3GR. Theo đó:

- Đối với Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân: Ngày 21/01/2020, Công ty đã nộp hồ sơ, đơn khởi kiện với Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân tại Tòa án Nhân dân Thành phố Thái Bình. Qua nhiều phiên tòa xét xử, ngày 10/08/2020, Tòa án Nhân dân Thành phố Thái Bình ra Quyết định số 03/2020/QĐST-KDTM công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, quyết định có hiệu lực ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm. Theo đó, Công ty chấp nhận lịch trả nợ mà Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân đưa ra tại công văn số 87/CV-ĐQ ngày 13/07/2020. Đến thời điểm hiện tại, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân mới chỉ thanh toán được 300.000.000 VND. Luật sư sẽ phải thực hiện yêu cầu thi hành án theo quyết định của Tòa án Nhân dân Thành phố Thái Bình.
- Đối với Công ty Cổ phần Đầu tư 3GR: Ngày 20/01/2020, Công ty đã nộp đơn khởi kiện với Công ty Cổ phần Đầu tư 3GR đến Tòa án Nhân dân Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội. Ngày 31/12/2020, Tòa án Nhân dân Quận Hoàn Kiếm chuyển hồ sơ vụ án đến Tòa án Nhân dân Thành phố Thái Bình. Ngày 29/04/2021, Tòa án Nhân dân Thành phố Thái Bình lập biên bản hòa giải. Theo đó: đại diện Công ty giữ nguyên nội dung theo đơn khởi kiện và bản tự khai, đại diện Công ty Cổ phần Đầu tư 3GR đồng ý thanh toán nợ theo đơn khởi kiện. Ngày 11/5/2021, Tòa án Nhân dân Thành phố Thái Bình gửi giấy báo triệu tập tham gia tố tụng tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án. Ngày 22/06/2021, Tòa án Nhân dân Thành phố Thái Bình tuyên án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty đối với Công ty Cổ phần Đầu tư 3GR, buộc Công ty Cổ phần Đầu tư 3GR có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty số tiền 23.986.810.400 VND nợ gốc theo Hợp đồng kinh tế số 1208 – 2017/3GR-SPD ngày 12/08/2017 và 10.827.246.434 VND nợ lãi tính từ ngày 01/12/2017 đến 22/6/2021, tổng cộng là 34.814.056.834 VND. Trường hợp Công ty Cổ phần Đầu tư 3GR không thanh toán hoặc không thanh toán đầy đủ số tiền nợ trên, Công ty có quyền yêu cầu Cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm là 2 000.000 cổ phiếu FTM do Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đức Quân phát hành là tài sản của bà Phạm Thị Hà theo hợp đồng cầm cố ngày 15 và 17/08/2017 để thu hồi nợ. Nếu sau khi xử lý tài sản đảm bảo không đủ trả nợ thì Công ty Cổ phần Đầu tư 3GR tiếp tục trả cho Công ty đến khi trả xong nợ.



Trần Như Thiên My
Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 08 năm 2023

Lê Thanh Phương
Kế toán trưởng

Trần Thị Thanh Thủy
Người lập